

MỤC LỤC

I. Thông tin chung/ General information	4
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT/ GENERAL INFORMATION.....	4
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH/ LINES AND LOCATIONS OF THE BUSINESS:.....	6
<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	6
3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ/ INFORMATION ABOUT GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION AND MANAGERIAL APPARATUS	8
a) Đại hội đồng Cổ đông.....	9
b) Hội đồng quản trị.....	9
c) Ban kiểm soát.....	10
d) Ban tổng giám đốc.....	11
e) Các phòng ban.....	12
f) Các đội công trình.....	14
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN/ DEVELOPMENT ORIENTATIONS.....	14
a) Sản xuất kinh doanh:	15
b) Tài chính:.....	16
c) Công tác đời sống CBCNV:.....	16
5. CÁC RỦI RO/RISKS:	17
a. Rủi ro về kinh tế.....	17
b. Lạm phát và giá cả.....	17
c. Rủi ro về tỷ giá.....	17
d. Rủi ro về Pháp Luật.....	18
e. Rủi ro về cạnh tranh.....	18
II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations	18
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH/ SITUATION OF PRODUCTION AND BUSINESS OPERATIONS.....	18
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ/ ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCE.....	19
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ TỪ ĐẦU NĂM 2019 ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO.....	19
a. Hội đồng quản trị:.....	19
b. Ban Tổng giám đốc.....	20
c. Ban kiểm soát.....	20
d. Kế toán trưởng:.....	20
A. SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO.	20
a1) Nguyễn Văn Kiên - Chủ tịch HĐQT.....	20
a2) Tô Minh Thúy – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc.....	21
a3) Trần Hải Sơn - Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc.....	22
a4) Nguyễn Vĩnh - Ủy viên HĐQT.....	23
a5) Nguyễn Minh Hoàng - Phó Tổng Giám đốc.....	24
a6) Lê Thị Quỳnh Nhung – Trưởng Ban Kiểm soát.....	25
a7) Nguyễn Văn Thái – Thành viên Ban Kiểm soát.....	26
a10) Trần Anh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát.....	27
a11) Võ Duy Chính – TV HĐQT Kế toán trưởng.....	28
B- TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG (PHẦN SỞ HỮU CÁ NHÂN):	29
b1) Giao dịch cổ phiếu người có liên quan: Không có giao dịch.....	29
b2) Thay đổi trong ban điều hành từ năm 2019 đến thời điểm báo cáo.....	29
b3) Số lượng cán bộ nhân viên.....	29
b4) Cán bộ công nhân viên trong Công ty năm 2019.....	31

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN/INVESTMENT ACTIVITIES, PROJECT IMPLEMENTATION	32
a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:	32
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH/ FINANCIAL SITUATION	34
a) Tình hình tài chính/ Financial situation	34
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:	35
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU/ SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN THE OWNER'S EQUITY.	36
a) Cổ phần/Shares:	36
b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:	37
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:	38
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:	38
e) Các chứng khoán khác/ Other securities:	38
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY/ REPORT RELATED IMPACT OF THE COMPANY ON THE ENVIRONMENT AND SOCIETY	39
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:	39
6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:	39
6.3. Tiêu thụ nước:	39
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:	40
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees	40
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community	41
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.	41
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company).	
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH/ ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS.	41
a. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:	41
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH/ FINANCIAL SITUATION	44
a) Tình hình tài sản/ Assets	44
b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities	46
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ/ IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, MANAGEMENT.	46
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI/ DEVELOPMENT PLANS IN THE FUTURE	46
5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)	47
6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY/ ASSESSMENT REPORT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY OF COMPANY	48
a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...). (Đã nêu khoản 6 mục I)	48
b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers (Đã nêu khoản 6 mục I)	48
c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community	48
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)	
	48

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI/ ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MANAGEMENT ON THE COMPANY'S OPERATION, INCLUDING THE ASSESSMENT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITIES.....	48
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY/ASSESSMENT OF BOARD OF DIRECTORS ON BOARD OF MANAGEMENT' PERFORMANCE.....	48
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ PLANS, ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS.....	48
V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).	49
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS.....	49
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:.....	49
b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director:.....	50
Không phát sinh	50
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:.....	50
Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:.....	51
d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors.	52
e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.	52
(Không phát sinh trong năm).....	52
2. BAN KIỂM SOÁT/ BOARD OF SUPERVISORS	52
a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:.....	52
b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:.....	53
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT/ TRANSACTIONS, REMUNERATIONS AND INTERESTS OF THE BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORS.....	53
a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:.....	53
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/Transactions of internal shareholders:.....	54
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:.....	54
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance:.....	55
VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements	55
1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN/AUDITOR'S OPINIONS.....	55
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN/AUDITED FINANCIAL STATEMENTS (BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BAO GỒM:.....	55

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA7 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/LILAMA7-BC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Lilama7 - Lilama 7 JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration*
No: 040100986

- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

- Địa chỉ/*Address*: 332 đường 2/9 Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng

- Số điện thoại/*Telephone*: 02363. 642666- 02363 621711

- Số fax/*Fax*: 02363.621722

- Website: lilama7.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: LM7

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Công ty Cổ phần Lilama 7 tiền thân là Xí nghiệp lắp máy số 7 được thành lập vào tháng 12 năm 1977. Năm 1993, Bộ xây dựng có quyết định thành lập lại Xí nghiệp Lắp máy số 7 thành doanh nghiệp Nhà nước và đến ngày 02/01/1996 Bộ xây dựng ra quyết định đổi tên doanh nghiệp thành Công ty lắp máy và xây dựng số 7 trực thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

- Theo quyết định số: 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển các Tổng công ty Nhà nước và Doanh

ng nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số: 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam gửi các Công ty thành viên năm 2005.

- Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại quyết định số: 1800/QĐ-BXD ngày 28/12/2006 với giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2006 là: 4.802.502.988 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm linh hai triệu, năm trăm linh hai ngàn chín trăm tám mươi tám đồng*).

- Ngày 29/12/2006 Bộ xây dựng có quyết định số: 1803/QĐ - BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 8 tỷ đồng (trong đó vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: 4.080.000.000 đồng chiếm 51% và phần vốn góp của các cổ đông công ty chiếm 49%).

- Ngày 15/03/2007 Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức được thành lập theo quyết định số: 392/QĐ-BXD của Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng. Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/03/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

- Ngày 23/05/2007 Bộ xây dựng có quyết định số: 717/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/06/2007 để bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cổ phần Lilama 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 7.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007 số: 20/Lilama7/ĐHCD/NQ ngày 26/08/2007 và quyết định số 06/Lilama7/HĐQT/QĐ/00 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 về việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, tính đến ngày 25/09/2007 Công ty đã phát hành thành công thêm 42 tỷ đồng vốn điều lệ. Toàn bộ 50 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7 đã được Công ty kiểm toán và kế toán ASNAF xác nhận trong báo cáo kiểm toán vốn số: 79/BCKT/TC.

- Các sự kiện khác/Other events

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 01/02/2008 do tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng và thay đổi lần thứ hai vào ngày 09/03/2011 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

- Ngày 30 tháng 09 năm 2010 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định: 748/QĐ-SGDHN quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần

Lilama 7. Ngày 28/10/2010 Cổ phiếu công ty cổ phần Lilama 7 chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Đại Hội cổ đông thường niên năm 2012 tiến thay đổi giấy phép kinh doanh vào ngày 14/05/2012 nhằm cập nhật mã ngành kinh tế theo quy định Pháp luật và bổ sung mã ngành mới 6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Ngày 30 tháng 01 năm 2015 Công ty cổ phần Lilama7 tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 theo quy định của pháp luật, do thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh.

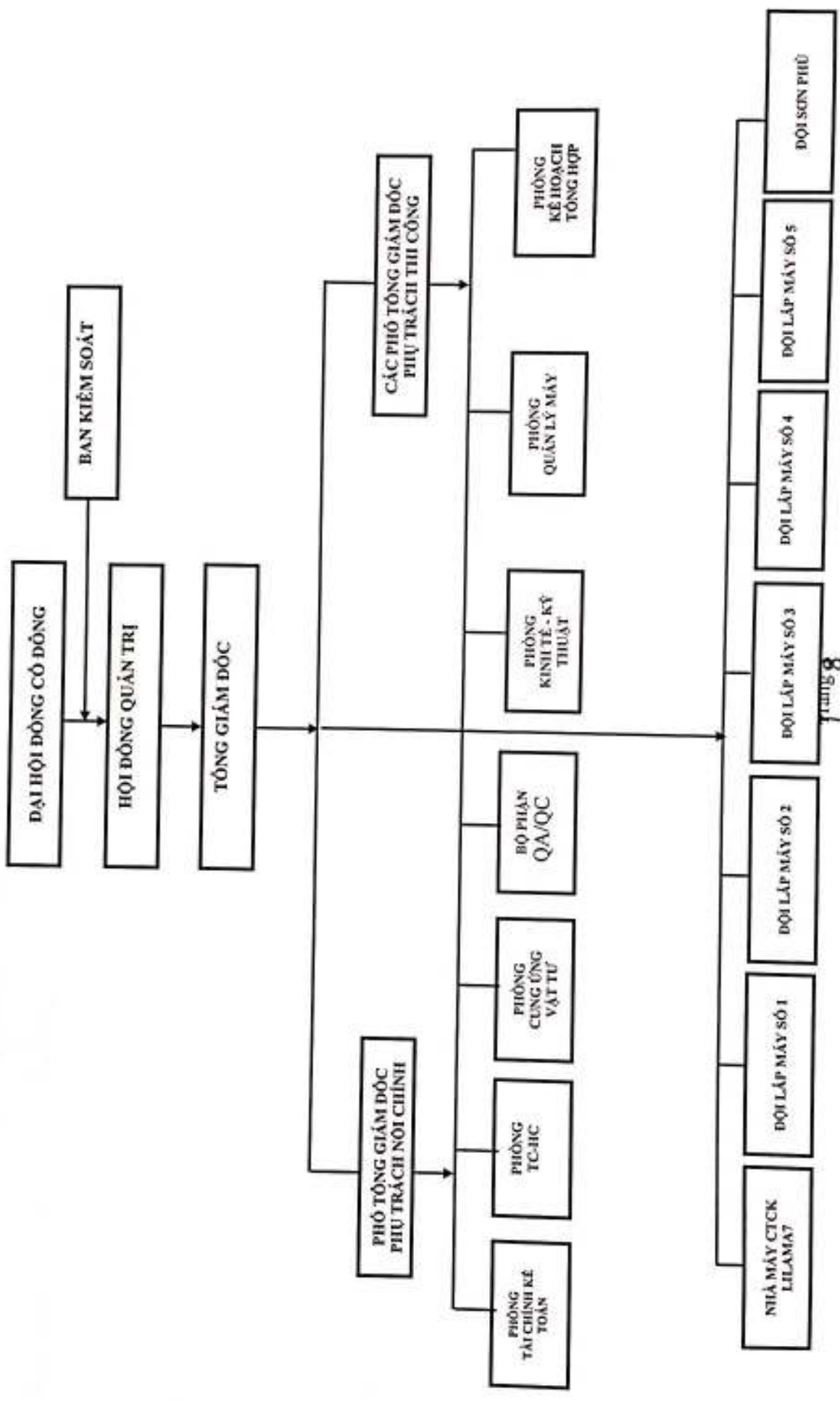
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị máy móc các công trình	3320 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thăm thấu, tính từ Xray)	7110
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.	7490
4	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, các công trình công nghiệp khác)	4100
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

	Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế.	
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công chế tạo thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy.	2592
9	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy	3311
10	Đại lý Chi tiết: Đại lý mua, bán, kí gửi hàng hóa.	46101
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết : Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng	2511
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho, bãi, nhà xưởng.	6810
13	Thi công xử lý nền nóng, trang trí nội thất. Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hóa chất, (trừ hóa chất độc hại mạnh), phụ tùng, dụng cụ cơ khí, dầu mỡ, khí công nghiệp. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa Địa điểm sản xuất, gia công: Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên chiểu, Thành phố Đà Nẵng.	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Trong phạm vi cả nước kể cả nước ngoài

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.

Công ty cổ phần Lilama 7 tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014, các văn bản pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7.

a)Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. ĐHCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị.

- Thông qua việc bổ sung và sửa đổi điều lệ .

- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bầu bãi nhiệm miễn nhiệm thành viên HĐQT, thông qua việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của HĐQT.

- Thông qua mức thanh toán cổ tức hàng năm, và mức thù lao của HĐQT và BKS.

- Quyết định bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

b)Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là tổ chức cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ.

Các thành viên Hội đồng quản trị gồm có

▪ Ông Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch
▪ Ông Tô Minh Thúy	Thành viên
▪ Ông Võ Duy Chính	Thành viên
▪ Ông Trần Hải Sơn	Thành viên
▪ Ông Nguyễn Vjnh	Thành viên

- HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định điều lệ.

- Quyết định kế hoạch SXKD và ngân sách hàng năm của Công ty.

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm những người quản lý của Công ty theo đề nghị Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ.
- Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty
- Đề xuất mức trả cổ tức hàng năm và mức trả cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu cho họp ĐHĐCĐ, thực hiện các thủ tục xin ý kiến Cổ đông thông qua các vấn đề quan trọng.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định điều lệ.

c) Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty của Công ty cổ phần Lilama 7 có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ là 5 năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Các thành viên Ban kiểm soát gồm

- Lê Thị Quỳnh Nhung Trưởng ban kiểm soát
- Nguyễn Văn Thái Thành viên ban kiểm soát
- Trần Anh Dũng Thành viên ban kiểm soát

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

d) Ban tổng giám đốc

Ban tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 trong năm 2019 gồm 05 thành viên 01 Tổng giám đốc 02 Phó Tổng và 01 Kế toán trưởng.

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| ▪ Ông Tô Minh Thúy | Tổng giám đốc |
| ▪ Ông Võ Duy Chính | Kế toán trưởng |
| ▪ Ông Trần Hải Sơn | Phó tổng giám đốc |
| ▪ Ông Nguyễn Minh Hoàng | Phó tổng giám đốc |

Quyền hạn của Tổng giám đốc

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;

- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật;

- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

- Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

e) Các phòng ban

▪ *Phòng Kinh tế - Kỹ thuật:*

- Chủ trì công tác khai thác và mở rộng thị trường, các công việc liên quan đến đấu thầu, thương thảo với khách hàng, dự thảo và rà soát các hợp đồng kinh tế;

- Cùng các phòng ban liên quan kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đồng thời tổng hợp số liệu từ các phòng ban và báo cáo định kỳ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị nguồn vốn và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

- Tham gia xây dựng tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công; kiểm soát các nhà thầu và Đội thi công của Công ty về việc thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật;

- Tập hợp, lưu trữ và phổ biến các tài liệu kỹ thuật; Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm;

▪ *Phòng Tài chính - Kế toán:*

- Đảm bảo các hoạt động kế toán trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật kế toán của Nhà nước và các quy chế Công ty ban hành;

- Theo dõi, kiểm soát toàn bộ các khoản chi phí và doanh thu liên quan đến từng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty;

▪ *Phòng Tổ chức - Hành chính:*

- Lập kế hoạch tuyển dụng, quản lý, điều phối và đào tạo nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại đơn vị, thời gian làm việc của toàn Công ty;
- Làm công tác thi đua khen thưởng; kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi những người có tâm huyết với nghề;
- Chịu trách nhiệm quản lý trụ sở Văn phòng Công ty, trang thiết bị văn phòng tại Công ty và các đơn vị sản xuất, các dụng cụ hành chính toàn Công ty;
- Quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến sao trích lục các văn bản tài liệu pháp quy của Nhà nước, cấp trên theo luật định;
- Tiếp nhận thông tin, xây dựng lịch công tác, lịch hội họp sinh hoạt định kỳ và bất thường;
- Đảm bảo điều kiện phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong toàn Công ty.

▪ *Phòng Cung ứng - Vật tư:*

- Lập kế hoạch mua vật tư, sản phẩm cho các công trình, dự án của Công ty tham gia đánh giá, khảo sát giá cả để chọn nhà thầu cung cấp vật tư, sản phẩm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt;
- Thực hiện các quy định về sắp xếp, bảo quản, cấp phát thanh quyết toán vật tư, dụng cụ và thu hồi vật tư, dụng cụ từ các công trình; Thực hiện các quy trình kiểm soát vật tư, sản phẩm mua vào do khách hàng cung cấp.

▪ *Phòng Quản lý máy:*

- Đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị, dụng cụ của Công ty sẵn sàng hoạt động; Định kỳ kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị tại các công trình;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để lập kế hoạch và mua sắm phụ tùng thay thế, vật tư cần thiết nhằm đảm bảo toàn bộ máy móc thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động đầy đủ với tính năng thiết kế; đưa ra biện pháp quản lý phù hợp thực tế sao cho hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị được tối ưu nhất.

▪ *Phòng Kế hoạch- Tổng hợp*

- Công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty; xây dựng kế hoạch đầu tư và thực hiện lập các dự án đầu tư;
- Công tác thống kê tổng hợp sản xuất; báo cáo số liệu.
- Công tác an toàn, bảo hộ lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

f) Các đội công trình:

Stt	Các đội công trình
1	Đội Lắp máy số I - Ông Nguyễn Trọng Phan- Đội trưởng
2	Đội Lắp máy số II - Ông Lưu Trung Tuyển - Đội trưởng
3	Đội Lắp máy số III - Ông Nguyễn Văn Bình - Đội trưởng
4	Nhà máy chế tạo cơ khí Lilama7- Ông Nguyễn Trọng Phan Giám đốc Nhà máy cơ khí Lilama7.

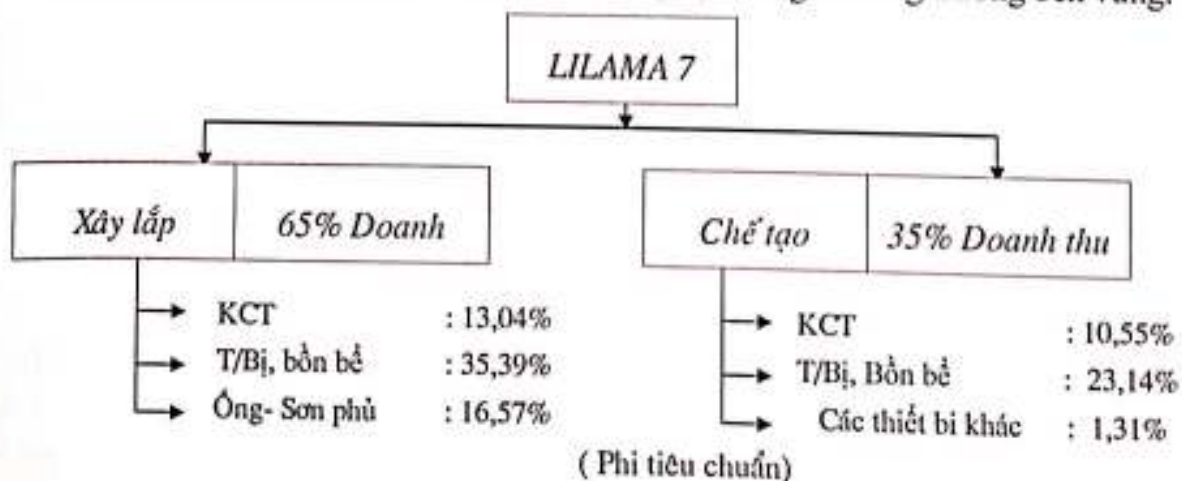
- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies). (Không)

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Căn cứ định hướng chiến lược, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty giai đoạn 2014-2020, và trên cơ sở sắp xếp các đơn vị thành viên theo ngành nghề kinh doanh chính theo khu vực của Tổng công ty giao.

- Căn cứ năng lực của Công ty cổ phần Lilama7.

Lilama7 sẽ khai thác thị trường chuyên sâu về gia công, chế tạo cơ khí và lắp đặt
- Tập trung vào tất cả các lĩnh vực **Chế tạo và lắp đặt thiết bị Công nghiệp nặng, Công nghệ chế biến**, nhằm xây dựng Lilama7 là đơn vị thành viên Tổng công ty có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững.



- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company..

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Lilama7, nâng cao năng lực chế tạo và lắp đặt thiết bị, tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

- Xây dựng Lilama7 trở thành một đơn vị thành viên mạnh, có trình độ công nghệ, và chuyên môn phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển.

- Là một trong các đơn vị chế tạo cơ khí, lắp đặt thiết bị và xây lắp dẫn đầu về thị phần trong Công nghiệp chế biến tại khu vực Miền trung và Tây nguyên.

- Tập trung tiềm lực nhằm tăng năng lực cạnh tranh vào thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường truyền thống tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên đối với các lĩnh vực gia công và lắp đặt thiết bị của nhà máy Công nghệ chế biến nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác đấu thầu và kiểm soát chi phí nhằm chào giá cạnh tranh tăng tỷ lệ trúng thầu, trên cơ sở tổ chức lại bộ phận lập dự toán và đấu thầu chuyên môn hóa từng lĩnh vực.

- Liên kết với các đơn vị thành viên trong Tổng Lilama để tạo lợi thế cạnh tranh, nhằm thắng thầu các dự án lớn.

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận đạt ở mức khá so với các đơn vị cùng ngành, đồng thời luôn đảm bảo trả cổ tức cho các Cổ đông cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm trong cùng thời kỳ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

a) Sản xuất kinh doanh:

- Cùng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời chú trọng gia tăng hàm lượng công nghệ, giảm tối đa các sản phẩm gia công thô. Tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị đối với các dự án thuộc nhóm ngành này.

- Tổ chức quản lý tốt công tác thi công, thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, công nghệ, tổ chức quản lý điều hành tốt, sử dụng lực lượng lao động có chất xám, tay nghề và kỹ năng lao động cao, nhằm đảm bảo thi công đúng tiến độ, đạt chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng, đồng thời khẳng định và quảng bá thương hiệu Lilama7.

- Trên cơ sở sắp xếp và sáp nhập các đội sản xuất có quy mô nhỏ có cùng lĩnh vực hoạt động, hoặc không phù hợp, kém hiệu quả, thành đơn vị có quy mô lớn, có năng lực quản lý, điều hành sản xuất tốt làm nòng cốt cho sự phát triển của Công ty.

- Xây dựng mô hình quản lý và cơ cấu tổ chức linh hoạt, tinh giảm bộ máy gọn nhẹ, để nhanh chóng thích ứng biến động của thị trường, đảm bảo mối liên kết và

phối hợp nhịp nhàng giữa Công ty với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Đánh giá năng lực và nhu cầu đào tạo đối với nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của Chi Huy trưởng, Đội trưởng, cán bộ quản lý đầu thầu, lập dự toán, kỹ sư giám sát thi công, kế toán quản trị. Đồng thời đánh giá năng lực Cán bộ, kỹ sư dựa vào khả năng làm việc độc lập, trình độ ngoại ngữ phục vụ công việc.

- Đánh giá hiệu quả công việc, trên cơ sở mục tiêu của Công ty, bộ phận, đơn vị.
- Xây dựng cơ cấu lương thưởng theo kết quả công việc.

b) Tài chính:

- Quản lý dòng tiền, tính toán lựa chọn lãi suất và thời điểm thích hợp để vay vốn nhằm tránh tình trạng thừa hoặc thiếu vốn hoạt động. Đồng thời xem xét lại nguồn vốn vay hiện nay, để sắp xếp và cơ cấu nguồn vốn theo hướng hợp lý nhằm giảm chi phí, tạo dựng sự bền vững về tài chính.

- Tăng cường nghiệp vụ kế toán quản trị và quản trị tài chính trên cơ sở thu thập số liệu thực tế để lập các chỉ số phản ánh tình hình tài chính của Công ty, nhằm phân tích được xu hướng và dự báo kịp thời để phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định.

- Việc tính toán các dữ liệu kế toán tài chính đang sử dụng phần mềm đơn giản. Để có được thông tin tài chính quản trị, Lilama7 cần đưa ra yêu cầu về phân tích thông tin tổng thể theo từng công trình, dự án và lĩnh vực hoạt động.

- Trên cơ sở tổng hợp doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng công trình mà Công ty đã thi công, phân tích và thấy rõ thế mạnh và hạn chế trong thi công tìm giải pháp khắc phục, và trên cơ sở giá trị về mặt tài chính đối với phân khúc thị trường của Công ty, để xác định trọng tâm phát triển và thoát khỏi các sản phẩm và dịch vụ không mang lại giá trị gia tăng và xu hướng đi xuống trong thời gian tới.

- Tổ chức có hiệu quả công tác thu hồi vốn, trên cơ sở phân công cụ thể lãnh đạo Công ty phụ trách theo dõi và xử lý kịp thời, có chế độ thưởng đối với đơn vị cá nhân có thành tích tốt và phạt đối với từng đơn vị, cá nhân gây chậm trễ ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

c) Công tác đời sống CBCNV:

- Tham gia đầy đủ chế độ chính sách với Người lao động.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở Đội công trình, Nhà máy

cơ khí Lilama7 và khu tập thể lán trại.

- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, khoán trực tiếp đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.

- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, sống lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào với địa phương hiệu quả.

5. Các rủi ro/Risks:

(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

a. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Lilama 7 hoạt động trong lĩnh vực Xây lắp máy. Đây là ngành công nghiệp nặng chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của nền kinh tế.

Mặc dù nhiều cơ hội, nhưng cũng cảnh báo không ít thách thức và rủi ro. Môi trường bên ngoài vẫn đang là thách thức với nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục khôi phục với tốc độ chậm. Bên cạnh đó là những rủi ro suy giảm rõ rệt. Nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng nếu kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm.

Trong nước kinh tế vẫn còn nhiều rủi ro đến từ môi trường chính sách trong nước. Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD tăng. Ngoài ra, rủi ro lạm phát do thâm hụt ngân sách Nhà nước, nợ công, tỷ giá, năng lực cạnh tranh, khiến tăng giá các mặt hàng, tăng lương, chi phí cho doanh nghiệp và còn rất nhiều vấn đề.

b. Lạm phát và giá cả.

Về các chỉ số kinh tế có ảnh hưởng nhiều tới lạm phát năm 2019, đó là: Chính sách tiền tệ và hối đoái; Lãi suất bình quân. Tốc độ tăng trưởng đầu tư và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tiền lương cơ bản và lương tối thiểu ảnh hưởng đến lạm phát, giá cả trong năm 2019.

c. Rủi ro về tỷ giá

Công ty cổ phần Lilama7 nhập một số nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, đồng tiền dùng để thanh toán chủ yếu đô la Mỹ (USD), trong khi đó sản phẩm của Công ty chủ yếu tiêu thụ thị trường trong nước, do đó biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp SXKD của Công ty, Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD tăng và lãi suất tăng ảnh hưởng trực tiếp chi phí sản xuất.

d. Rủi ro về Pháp Luật

Là doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực xây lắp phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật thuế, Luật xây dựng, Luật chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, nhất là khi Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Vì vậy, nếu công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của các chính sách hệ thống pháp luật, sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

e. Rủi ro về cạnh tranh.

Công ty cổ phần Lilama7 hoạt động trong lĩnh vực xây lắp máy, đây là lĩnh vực cạnh tranh rất gay gắt, quyết liệt trong điều kiện giảm đầu tư công, nhất là hoạt động trong khu vực Miền Trung, các dự án công nghiệp không nhiều, và những năm gần đây có sự xuất hiện của các Nhà thầu Trung Quốc và các Tập đoàn nước ngoài, các Công ty tư nhân.

Do đó Công ty cổ phần Lilama7 nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường, mới tồn tại và phát triển.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

Năm 2019, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hàng đầu châu Á, mà còn duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tiếp tục ở mức cao, đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra và xấp xỉ năm 2018 là 7,08%. Chất lượng tăng trưởng của chúng ta lại có sự cải thiện rất rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng năng suất lao động. Lạm phát chỉ 2,79%, mặt bằng lãi suất và tỉ giá luôn duy trì ổn định trong bối cảnh các thị trường tài chính toàn cầu đầy biến động.

Bên cạnh kết quả đạt được, nền kinh tế nước ta vẫn còn những hạn chế, khó khăn, thách thức cần phải cải thiện trong năm 2020 cụ thể:

+ Một số chỉ tiêu chưa thật sự bền vững. Tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công chậm.

+ Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Trình độ công nghệ còn hạn chế. Chất lượng dịch vụ cải thiện chậm.

+ Cơ cấu lại nền kinh tế đã đạt được những kết quả quan trọng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

Đối với Công ty Cổ phần LILAMA7 thị trường việc làm ít, cạnh tranh cao; nợ BHXH và ngân hàng đã giảm so với các năm trước. Doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 108.173 triệu đồng, đạt 72,12 % so với kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế 203 triệu đồng.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	%TH /KH 2019	% TH 2019/2018
1	Giá trị sản lượng	200.000	150.000	75,00	115,40
2	Doanh thu	150.000	108.173	72,12	115,20
3	Lợi nhuận trước thuế	600	203	33,83	99,02
4	Nộp ngân sách	6.100	3.677	60,27	67,00
5	Đầu tư	5.000	2.424	48,48	335,27
6	Tổng số lao động BQ (người) (31/12/2019).	350	320	91,43	98,46
7	Thu nhập BQ/người/tháng	8,00	8,00	100	100

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Tổ chức và nhân sự từ đầu năm 2019.

a. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT
2	Tô Minh Thúy	Ủy viên HĐQT
3	Võ Duy Chính	Ủy viên HĐQT
4	Trần Hải Sơn	Ủy viên HĐQT

5	Nguyễn Vịnh	Ủy viên HĐQT
---	-------------	--------------

b. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tô Minh Thúy	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

c. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Văn Thái	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

d. Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

A. Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng tính đến thời điểm báo cáo.

a1) Nguyễn Văn Kiên - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Văn Kiên**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 20/02/1960
Nơi sinh : Nam Hải, Nam Trực, TP Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 024058338
Nơi cấp : Công an TPHCM, Ngày cấp: 07/04/2009
Quê quán : Nam Hải, Nam Trực, TP Nam Định
Địa chỉ thường trú : Số 51B, đường 359, P Phước Long B, quận 9, TPHCM
Số điện thoại liên lạc : 05113642666

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984-1988	Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy
Từ 1988-1992	Đội trưởng Xí nghiệp Liên Hợp Lắp máy
Từ 1992-1998	Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18
Từ 1998-2001	Phó giám đốc Xí nghiệp Lắp máy 18-2, Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18
Từ 2001-2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 18
Từ 2007-02/2011	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18
Từ 03/2011 - 28/01/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 29/01/2015 đến 20/02/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lilama 7
Từ ngày 20/02/2020	Thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ.

a2) Tô Minh Thúy - Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Tô Minh Thúy**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 12/09/1974

Nơi sinh : Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 201674936

Nơi cấp : Công an TP Đà Nẵng, Ngày cấp: 21/07/2012

Quê quán : Xóm 5, Xã Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú : 06 Hoàng Văn Thụ, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Chỗ ở hiện nay : 25 Lý Nhân Tông, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ,

Thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại liên lạc : 0913401911

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng.

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/1997 - 09/1998	Nhân viên phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
Từ 10/1998 - 12/2003	Trưởng phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
Từ 01/2004 - 03/2009	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 04/2009 - 28/01/2015	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 29/01/2015 Đến 29/01/2020	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Lilama7. Nhiệm kỳ 5 năm.
Từ 29/01/2020.	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Lilama7. Nhiệm kỳ 5 năm 2020-2025.
Từ 20/02/2020	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc- Phụ trách Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama7.

a3) *Trần Hải Sơn - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc*

Họ và tên : **Trần Hải Sơn**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 19/02/1970

Nơi sinh : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 194205436

Nơi cấp : Công an Quảng Bình, Ngày cấp: 22/08/2000

Quê quán : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình

Địa chỉ thường trú : 179 đường Ý Lan Nguyễn Phi, tổ 103. Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại liên lạc : 0913412741

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1997 - 2000	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2000 - 2001	Phó giám đốc xí nghiệp 701, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2001 - 2002	Đội phó đội công trình thuộc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 2002- 2005	Đội trưởng đội Hầm đào Hải vân, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2006 - 2007	Chỉ huy trưởng đội công trình công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2007 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

a4) Nguyễn Vịnh - Ủy viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Vịnh

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 20/01/1969

Nơi sinh : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 200957548

Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 22/07/2004

Quê quán : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : 88 Trần Phước Thành, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0905202272

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1998 - 2006	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2006 - 2008	Phó phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty lắp máy và xây dựng số 7
Từ 2008 - 2009	Chỉ huy trưởng Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi, Công ty CP Lilama 7
Từ 2009 -03/2019	Trưởng phòng KT - KT, Công ty CP Lilama 7
Từ 03/2019 - đến nay	Phó phòng KT - KT, Công ty CP Lilama 7

a5) Nguyễn Minh Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Minh Hoàng

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/05/1972

Nơi sinh : Xã Thù Xuân, Huyện Thương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 201115560

Nơi cấp: : CA Đà Nẵng Ngày cấp: 14/03/2009

Quê quán : Xã Thù Xuân, Huyện Thương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú : 41 đường Hoàng Sĩ Khải, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại liên lạc : 0913 430 690

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ T9/1997 - 3/1998	Kỹ thuật, thi công lắp đặt Nhà máy Xi măng Thanh Trường-

	Quảng Bình
Từ T4/1998 - 3/1999	Kỹ thuật, thi công phần gia công thiết bị, Nhà máy XM Nghi Sơn - Thanh Hóa
Từ T4/1999 - 3/2000	Kỹ thuật, Nhân viên phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Cổ Phần Lilama7
Từ T4/2000 - 3/2001	Kỹ thuật, thi công phần tháo dỡ thiết bị, CT Nhà máy Đường KCP - Huế
Từ T11/2001 - 7/2002	Kỹ thuật, thi công gia công phần phụ trợ, CT Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (giai đoạn 1)
Từ T8/2002 - T3/2003	Kỹ thuật, thi công gia công kết cấu thép tại, CT Nhà máy CTCK Lilama 45-1, Khu công nghiệp Long Thành Đồng Nai.
Từ T4/2003 - T3/2004	Kỹ thuật, thiết kế, gia công và lắp đặt thiết bị thông gió, CT Hầm đường bộ Hải Vân
Từ T4/2004- 10/2004	Phụ trách Kỹ thuật của VPDA Lilama tại DA Xi măng Sông Gianh Quảng Bình
Từ T11/2004-T5/2005	Quản lý DA, thiết kế gia công, lắp đặt, thiết bị thông gió CT Hầm đường bộ Hải Vân Công ty Cổ phần Lilama7
Từ T6/2005-T10/2007	Quản lý phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Cổ phần Lilama7
Từ T11/2007-T4/2008	Phó Chỉ huy trưởng Lilama7, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất
Từ T5/2008 - T1/2010	Đội trưởng, Thi công DA Nhà máy Thủy điện An Diêm 2 – Quảng Nam
Từ T9/11 - T7/2013	Đội trưởng đội Cơ giới Công ty Cổ phần Lilama7
Từ T4/2014 - T7/2015	Đội trưởng đội Lắp máy số2 Lilama7 Thi công lắp đặt và hoàn thiện dây chuyền xay lúa mỹ, 500 tấn/ ngày, thuộc Nhà máy YFM- Quảng Ninh
Từ T8/2015-T2/2016	Phó Giám đốc Nhà máy CTCK Lilama7- Quản lý Nhà máy
Từ T5/2016- ngày 25-02-2020.	Giám đốc Nhà máy CTCK Lilama7 – Quản lý Nhà máy
Từ 13/2/2017- đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama7.

a6) Lê Thị Quỳnh Nhung - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Lê Thị Quỳnh Nhung

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 27/8/1983

Nơi sinh : Quảng Trị
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 201813417
Nơi cấp : CA Đà Nẵng Ngày cấp: 1/9/2016
Quê quán : Duy Ninh- Quảng Ninh- Quảng Bình
Địa chỉ thường trú : Tổ 76A- Phường Hòa Xuân- Quận Cẩm Lệ- TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc : 0914 252 131
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
9/2006-4/2016	Nhân viên phòng TC-KT Công ty CP Lilama 7
4/2016-nay	Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Lilama 7

a7) Nguyễn Văn Thái- Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Văn Thái
Giới tính : Nam
Ngày sinh : Sinh ngày: 23 tháng 12 năm 1971
Nơi sinh : Xã Như Thụy ,Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 026071001714
Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư;
Ngày cấp : 24/3/2017
Quê quán : Xã Như Thụy ,Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú : Phòng 602B, 94 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc : 0913256078
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn :Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
10/1999 -9/2000	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán -Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
10/2000- 3/2007	Kế toán trưởng Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-3- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
4/2007- 12/2009	Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Thăng Long
12/2009 - 12/2010	Phó ban Tài chính Kế toán kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
12/2010 - 12/2011	Kiểm soát viên chuyên trách Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
1/2012-12/2013	Thành viên Hội Đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Lilama Hà Nội - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
1/2014 - 2/2014	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
2/2014 - 6/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Hành chính nhân sự kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần giấy An Hòa. Chủ tịch Công đoàn Công ty.
7/2016- nay	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam

A8) Trần Anh Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Trần Anh Dũng**
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 03/05/1977
 Nơi sinh : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh –Quảng Trị
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 230541849
 Nơi cấp : CA Gia Lai Ngày cấp: 18/10/2004
 Quê quán : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh -Quảng Trị
 Địa chỉ thường trú : Tổ 5 Hòa Minh - Liên Chiêu - Đà Nẵng
 Số điện thoại liên lạc : 0983330363
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 2007 đến 2019	Nhân viên phòng Cung ứng Vật tư
Từ 2020 đến nay	Nhân viên phòng Cung ứng Vật tư

a9) Võ Duy Chính - TV HDQT Kế toán trưởng

Họ và tên : **Võ Duy Chính**
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 07/03/1969
 Nơi sinh : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 201571657
 Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 14/02/2006
 Quê quán : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An
 Địa chỉ thường trú : K382/7 Núi Thành - Đà Nẵng
 Số điện thoại liên lạc : 0903520007
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1994 - 1996	Ban Thanh tra UBND Huyện Tân Kỳ - Nghệ An
Từ 1996 - 2000	Cán bộ Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 2000 - 03/2009	Phó phòng Tài chính – Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7 (Công ty Cổ phần Lilama 7)
Từ 04/2009 - 03/2010	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Lilama 7
Từ 03/2010 - 04/2019	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7

Từ ngày 23/4/2019- đến nay	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama7.
----------------------------------	--

B- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng (phần sở hữu cá nhân):

Stt	Họ Và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày niêm yết đến ngày 20/03/2019
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	20.500
2	Tô Minh Thúy	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	49.921
3	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20.364
4	Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng KTKT	7.124
5	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng	9.008
6	Nguyễn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	21.492
7	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng BKS	2.500
8	Nguyễn Văn Thái	Thành viên BKS	0
9	Trần Anh Dũng	Thành viên BKS	0

Cổ đông lớn: không có giao dịch

b1) Giao dịch cổ phiếu người có liên quan: Không có giao dịch

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát trong năm 2019: *Không có giao dịch.*

b2) Thay đổi trong ban điều hành từ năm 2019 đến thời điểm báo cáo.

Trong năm 2019 Công ty đã có một số thay đổi về cơ cấu bộ máy quản lý, tăng hiệu quả công tác điều hành & quản trị công ty. Cụ thể:

TT	QĐ	Nội dung	Ngày hiệu lực	Ghi chú
01	28/QĐ-Lilama7	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Đội trưởng - Công ty Cổ phần Lilama7 đối với ông Lê Nguyễn Lộc.	01/03/2019	
02	29/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội lắp máy số 3 – Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Văn Bình.	01/03/2019	
03	30/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội lắp máy số 1 – Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Trọng Phan.	01/03/2019	
04	31/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Quản lý máy – Công ty CP Lilama7 với ông Hà Kế	01/03/2019	
05	32/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng Ban An toàn lao động – Công ty CP Lilama7 với ông Đặng Hồng Quân	01/03/2019	
06	33/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Văn Tuấn	01/03/2019	
07	34/QĐ-Lilama7	QĐ về việc thôi bổ nhiệm chức vụ Trưởng Bộ phận Hành chính - Công ty CP Lilama7 với ông Đặng Bá Hoài	01/03/2019	
08	35/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty CP Lilama7 với bà Lê Thị Thu Hiền	01/03/2019	
09	36/QĐ-Lilama7	QĐ về việc thôi kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Hồng Thái	01/03/2019	
10	37/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Cung ứng Vật tư - Công ty CP Lilama7 với ông Ngô Đình Thanh	01/03/2019	
11	38/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban QA/QC - Công ty CP Lilama7 với ông Trần Thanh Bình	01/03/2019	
12	39/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Vịnh	01/03/2019	
13	40/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty CP Lilama7 với ông Lê Ngọc Phước	01/03/2019	
14	41/QĐ-Lilama7	QĐ về việc thôi bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty CP Lilama7 với ông Trần Thanh Bình	01/03/2019	
15	42/QĐ-Lilama7	QĐ về việc thôi bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Vịnh	01/03/2019	
16	43/QĐ-Lilama7	QĐ về việc thôi bổ nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội lắp máy số 3 - Công ty CP Lilama7 với ông Lê Ngọc Phước	01/03/2019	

17	92/QĐ-Lilama7	QĐ về việc nghỉ hưu đối với ông Nguyễn Hồng Thái	01/07/2019	
18	115/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Đội Phó Đội lắp máy số 1 Công ty CP Lilama7 với ông Nguyễn Hữu Nhật	10/06/2019	
19	116/QĐ-Lilama7	QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Lilama7 với ông Bùi Công Thành	10/06/2019	
20	117/QĐ-Lilama7	QĐ về việc giao nhiệm vụ Đội trưởng Đội Lắp máy số 2 - Công ty CP Lilama7 với ông Lưu Trung Tuyển	17/07/2019	
21	215/QĐ-Lilama7	Quyết định chấm dứt HĐLĐ với ông Trần Thanh Bình Trưởng Ban QA/QC	01/11/2019	

b3) Số lượng cán bộ nhân viên

Đội ngũ lãnh đạo từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc hiện có 31/12/2019

Tt	Chức danh, chức vụ	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng giám đốc Công ty	01	
2	Phó Tổng giám đốc Công ty	02	
3	Kế toán trưởng Công ty	01	
4	Trưởng phòng, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ	05	
5	Phó phòng, Trưởng ban	03	
6	Giám đốc, Phó giám đốc Nhà máy chế tạo cơ khí	01	
7	Chỉ huy trưởng, Đội trưởng công trình	03	

b4) Cán bộ công nhân viên trong Công ty năm 2019

Tình hình nhân lực Công ty đến ngày 31/12/2019

Tt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Năm 2019			
I	Tổng số CBCNV làm việc đầu kỳ	Người	317	
1	Trong đó: - LĐ nữ	Người	15	
2	CBCNV làm việc tại VPCT	Người	34	

3	CBCNV làm việc trực tiếp	Người	283	
II	Tổng số CBCNV cuối năm 2019	Người	412	
1	Trong đó: - LĐ nữ	Người	20	
2	CBCNV làm việc tại VPCT	Người	32	
3	CBCNV làm việc trực tiếp	Người	380	
III	Thu nhập bình quân trong năm 2019 đồng/tháng/người	Triệu đồng	8 triệu	

- Trong đó việc ký kết các loại hợp đồng lao động với CBCNV được Công ty thực hiện tốt theo Luật Lao động. Các loại hình HĐLĐ hiện tại ở Công ty, cụ thể:

Các loại HĐLĐ đã ký kết cho CBCNV tính đến thời điểm năm 31/12/2019

Loại HĐLĐ	Số lượng (người)	Ghi chú
HĐLĐ dưới 12 tháng	192	
HĐLĐ có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	88	
HĐLĐ không xác định thời hạn	132	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

- Trong năm 2019, Công ty tập trung khai thác và sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã đầu tư từ các năm trước và chỉ thực hiện mua sắm các thiết bị, dụng cụ thi công thực sự cần thiết và có giá trị nhỏ để tăng năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu thi công các Dự án.

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2018 sang năm 2019.

Công ty đầu tư cải tạo mở rộng văn phòng làm việc tại Nhà máy cơ khí Lilama7, di chuyển địa điểm làm việc về Nhà máy, giá trị đầu tư 2,3 tỷ đồng, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2019. Bước đầu phát huy được công năng sử dụng, giảm được chi phí quản lý vận hành văn phòng 332 đường 2/9.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty: **Không có**

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty khác nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP nắm giữ: 2.550.000 cổ phần tương đương: 25.500.000.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ

- Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết: Không

- Tóm tắt về hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP:

▪ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP: Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Lilama 7

▪ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010

▪ Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

▪ Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc;

+ Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường trạm biển thê;

+ Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;

+ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;

+ Xuất khẩu lao động, vật tư, thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng

+ Đầu tư và xây dựng các công trình, bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị

+ Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hóa, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;

+ Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: Lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;

+ Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;

+ Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông và đường biển;

+ Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;

+ Đào tạo Công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện đưa người lao động Việt nam (trong và ngoài tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;

+ Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, dây chuyền công nghệ mới;

+ Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật

+ Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	172.841.014.071	183.824.630.542	10.983.616.471

Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	93.908.435.465	108.173.719.515	14.265.284.050
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	(6.214.320.240)	(170.998.217)	6.043.322.023
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	6.420.202.427	374.323.654	(6.045.878.773)
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	205.882.187	203.325.437	(2.556.750)
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	205.882.187	203.325.437	(2.556.750)
<p>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/<i>Payout ratio</i></p> <p>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/<i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản/<i>Total asset</i></p> <p>Doanh thu/<i>Revenue</i></p> <p>Thuế và các khoản phải nộp/<i>Taxes and payables</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/<i>Before tax profit</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/<i>After tax profit</i></p>			

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,04	1,02	

+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i>	0,49	0,43	
2. <i>Chi tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,76 3,18	0,77 3,42	
3. <i>Chi tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1,18 0,54	1,11 0,58	
4. <i>Chi tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0.002 0.004 0.001	0.001 0.004 0.001	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares:*

Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng

khoản giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Cổ phần: - Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lilama7 là: 5.000.000 CP.

- Loại cổ phần: phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

Stt	Họ Và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày niêm yết đến ngày 20/03/2019
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	20.500
2	Tô Minh Thúc	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	49.921
3	Võ Duy Chính	Thành viên HĐQT -Kế toán trưởng	9.008
4	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20.364
5	Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT - Phó phòng KT-KT	7.124
6	Nguyễn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	21.492
7	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng BKS	2.500
8	Nguyễn Văn Thái	Thành viên BKS	0
9	Trần Anh Dũng	Thành viên BKS	0

Cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/03/2019 là: 431 cổ đông biến động theo tại các thời điểm chốt danh sách.

•Cổ đông lớn:

Cổ đông	Địa chỉ	Số đăng ký kinh doanh	Số cổ phần	Tỷ lệ/VDL
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	124 phố Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	0100106313	2.550.000	51%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:*

Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Không

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:*

Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Cổ đông lớn: Không có giao dịch

e) *Các chứng khoán khác/ Other securities:*

Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society.*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Tổng Nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2019 là: 2.000 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

(Không)

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2019 là: 650.000 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy. (không)*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives. (không)*

6.3. Tiêu thụ nước:

(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

(Chỉ dùng nước cho sinh hoạt)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước từ Nước máy theo hệ thống nước thành phố Đà Nẵng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused. (Không)*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. (Không vi phạm)*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. (Không vi phạm)*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

(khoản 2 mục II nêu trên)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tham gia đầy đủ chế độ chính sách với Người lao động.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở Đội công trình và khu tập thể lán Trại.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi (đánh giá tay nghề Mi.), khoán đơn giá tiền lương trực tiếp xuống đến Người lao động đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, sống lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào với địa phương hiệu quả.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Trong năm 2019 công ty thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng tay nghề cho công nhân, tham gia các lớp huấn luyện An toàn lao động cho tất cả công nhân tham gia thi công tại các dự án.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty thực hiện chương trình cộng đồng xã hội của Đoàn khối Đà Nẵng, đăng ký phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh Hùng trên địa bàn và đóng góp các quỹ bảo trợ cho các tổ chức Trẻ em..

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

(Không)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*).

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results.*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

(Như Phần II, mục 1 nêu trên)

a. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:

• *Thuận lợi:*

- ✓ Công ty luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện của Lãnh đạo Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP, được Tổng công ty giao việc thi công, công trình có giá trị lớn như công trình. Nhiệt điện Sông Hậu 1. Nhiệt điện Nghi Sơn 2.
- ✓ Công ty được các Ngân hàng hợp tác hỗ trợ như: nâng hạn mức vay vốn ngắn hạn, giảm lãi suất cho vay. Vì vậy chi phí lãi vay năm 2019 giảm nhiều so với năm 2018.
- ✓ Công ty được sự đồng thuận đoàn kết của tập thể CBCNV, cùng với sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban tổng giám

độc trong công tác chỉ đạo điều hành và đặc biệt là Công tác thu hồi vốn trong năm 2019 đạt kết quả rất cao, cải thiện tốt dòng tiền so với các năm trước và đáp ứng nhu cầu vốn thi công các công trình. Bảo toàn tốt vốn kinh doanh của Công ty.

- ✓ Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng lãnh đạo luôn quan tâm kịp thời tiền lương và các chế độ đối với người lao động, đặc biệt là tiền lương, thu nhập bình quân khá cao 8,0 triệu đồng/tháng nên đã tạo niềm tin của Người lao động đối với Công ty.
- ✓ Hoạt động quản lý điều hành, sự phối hợp giữa các Đội công trình, Nhà máy và các phòng ban Công ty đã đi vào nề nếp, hiệu quả hơn so với các năm trước.

• *Khó khăn:*

- Trong năm 2019 Kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, các dự án đầu tư công ít, đồng thời mức độ cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa rất quyết liệt, dẫn đến giá nhận thầu thấp nên rất khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm.

- Do áp lực cạnh tranh nên giá nhận thầu các công trình ngày càng giảm, nhưng chi phí đầu vào có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí nhân công và biện pháp thi công, chi phí công tác An toàn lao động, nên dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao.

- Tình hình cạnh tranh diễn ra rất khốc liệt trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là khu vực Miền Trung. Một số dự án trọng điểm trong nước đều tập trung ở hai đầu Đất nước. Do đó chi phí sản xuất chưa giảm.

- Lilama7 là đơn vị chưa đủ mạnh để nhận thầu các công trình lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao.

- Công tác thu hồi vốn đối với các dự án mới rất thuận lợi, tuy nhiên công tác thu hồi vốn đối với các công trình thuộc vốn ngân sách Nhà nước gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

- Đặc thù của Công ty, thi công trong phạm vi cả nước, các công trình phân tán và ở xa nhau, nên việc điều động nhân lực, thiết bị thi công và vật tư gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy tối đa hiệu quả, phát sinh nhiều chi phí.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được/ The Company's achievements.

• Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:

- Cơ cấu lại bộ máy quản lý, các phòng, Ban, Đội công trình, Nhà máy cơ khí Lilama7 trực thuộc Công ty trong năm 2019, bước đầu hoạt động Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả hiện nay văn phòng Công ty còn 30 người giảm hơn nữa so với các năm trước.

- Tiếp tục thực hiện giao khoán lương cho các Phòng ban, đối với Đội sản xuất khoán đến trực tiếp người lao động để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, đặc biệt nâng cao năng suất lao động.

- Ổn định thu nhập và tiếp tục cải thiện đời sống cho CBCNV Công ty tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, thu nhập bình quân năm 2019: 8,0 triệu đồng/tháng/ người.

- Thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Về tài chính cải thiện dòng tiền so với các năm trước, đảm bảo vốn cho nhu cầu thi công các dự án, giảm chi phí lãi vay và chi phí quản lý so với các năm trước.

- Tình hình quản trị của Công ty đã được cải thiện, bộ máy hoạt động có hiệu quả, thể hiện sự phối hợp tốt giữa các phòng ban và Đội công trình.

• Các biện pháp kiểm soát:

- Về tìm kiếm việc làm:

+ Công ty thường xuyên cập nhật thông tin liên tục các dự án lớn, nhỏ khắp cả nước để có các phân tích, đánh giá dự án khả thi từ đó có các phương án tiếp cận trực tiếp Chủ đầu tư để giới thiệu năng lực và các bước báo giá, đấu thầu ... tiếp theo nhằm tăng lợi thế và chủ động hơn trong công tác tiếp thị việc làm.

+ Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo và thực hiện đồng thời giao nhiệm vụ cho thành viên trong Ban Tổng giám đốc, về công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm, đồng thời tạo cơ chế thuận lợi khuyến khích CB-CNV trong Công ty tìm kiếm việc làm tăng doanh thu cho Công ty.

+ Hiện nay, các dự án vừa và nhỏ của các chủ đầu tư tư nhân là khá nhiều, tuy nhiên, ở đó tính cạnh tranh với các đối thủ là công ty tư nhân khác cũng lớn, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá, do đó, Lilama 7 xác định, ngoài chất lượng sản phẩm đã được khẳng định qua thương hiệu Lilama, cũng đã tập trung vào phương án: cải tiến kỹ thuật, biện pháp thi công ... nhằm tăng năng suất để giảm giá thành đủ sức cạnh tranh.

- Về kiện toàn bộ máy, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Tiếp tục sắp xếp và sáp nhập các Đội sản xuất có quy mô nhỏ có cùng lĩnh vực hoạt động, để tập trung nâng cao năng lực thiết bị thi công, hình thành Bộ máy điều hành tốt công tác Quản lý sản xuất tại các Đội làm nòng cốt phát triển của Công ty, nhằm tiết giảm chi phí, nhằm đạt hiệu quả cao.

+ Thực hiện các chương trình đào tạo nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên

môn của Chỉ huy trưởng, Đội trưởng, Cán bộ quản lý đấu thầu, lập dự toán, Kỹ sư giám sát thi công, đặc biệt Tổ trưởng, Nhóm trưởng.

-Tổ chức quản lý tốt công tác thi công, thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, công nghệ, tổ chức quản lý điều hành tốt, sử dụng lực lượng lao động có chất xám, tay nghề và kỹ năng lao động cao, nhằm đảm bảo thi công đúng tiến độ, đạt chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng, đồng thời khẳng định và quảng bá thương hiệu Công ty cổ phần Lilama7.

-Tăng cường công tác đào tạo đối với nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Đội trưởng, cán bộ quản lý đấu thầu, lập dự toán, kỹ sư giám sát thi công, Cán bộ trắc đạc, Cán bộ An toàn và đặc biệt chú trọng đào tạo hàng Tổ trưởng Nhóm trưởng.

-Tiếp tục đánh giá năng lực Cán bộ, kỹ sư dựa vào khả năng làm việc độc lập, trình độ ngoại ngữ, đánh giá năng lực tay nghề Công Nhân (M1.M2....M6) phục vụ công việc từ đó xây dựng đội ngũ Cán bộ có chuyên môn cao.

-Về tài chính: Quản lý và tính toán lựa chọn lãi suất và thời điểm thích hợp để vay vốn nhằm tránh tình trạng thừa hoặc thiếu vốn hoạt động. Đồng thời xem xét lại nguồn vốn vay hiện nay, để sắp xếp và cơ cấu nguồn vốn theo hướng hợp lý nhằm giảm chi phí, tạo dựng sự bền vững về tài chính.

+Tổ chức có hiệu quả công tác thu hồi vốn, trên cơ sở phân công, giao nhiệm vụ cụ thể lãnh đạo Công ty phụ trách theo dõi và xử lý kịp thời, có chế độ thưởng đối với đơn vị cá nhân có thành tích tốt và phạt đối với từng đơn vị, cá nhân gây chậm trễ ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn.

-Về đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công: Tập trung tăng cường cải tạo, đầu tư nâng cấp đổi mới dây chuyền công nghệ đáp ứng nhu cầu từng giai đoạn SXKD, đặc biệt đầu tư mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng (*Máy khoan, cắt và máy đột lỗ và lấy dấu CNC, Hệ thống bán tự động, cầu, tải cầu, xe nâng hàng v.v..*) nhằm tăng năng lực thiết bị thi công, cải tạo nâng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời tạo ra sản phẩm đặc trưng phù hợp thể mạnh nâng cao khả năng cạnh tranh: chế tạo và lắp bồn bể, băng tải các dây chuyền sản xuất.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
I. Tài sản ngắn hạn	145.636.146.920	137.603.480.834
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	304.946.896	8.437.911.200
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Phải thu ngắn hạn	60.605.221.086	56.360.829.674
4. Hàng tồn kho	84.236.666.111	72.315.427.133
5. Tài sản ngắn hạn khác	489.312.827	489.312.827
II. Tài sản dài hạn	38.188.483.622	35.237.533.237
1. Tài sản cố định	15.456.576.651	18.581.757.526
2. Tài sản dở dang dài hạn	1.637.691.817	723.602.774
3. Tài sản dài hạn khác	21.094.215.154	15.932.172.937
Tổng tài sản	183.824.630.542	172.841.014.071

- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo thời gian hữu ích của tài sản và phù hợp theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bảng các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Các khoản phải thu	Năm 2019	Năm 2018
I	Phải thu ngắn hạn	60.605.221.086	56.360.829.674
1	Phải thu của khách hàng	52.464.871.153	47.204.162.587
2	Trả trước cho người bán	3.706.166.030	4.277.177.000
3	Các khoản phải thu khác	6.704.108.476	7.149.414.660
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.269.924.573)	(2.269.924.573)
II	Phải thu dài hạn		
	Tổng các khoản phải thu	60.605.221.086	56.360.829.674

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Bảng các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nợ phải trả	Năm 2019	Năm 2018
I	Nợ ngắn hạn	142.326.771.360	131.546.480.326
1	Vay và nợ ngắn hạn	77.864.889.084	72.247.547.887
2	Phải trả người bán	24.603.408.534	20.753.405.990
3	Người mua trả tiền trước	742.503.976	874.770.293
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	3.730.288.479	2.793.588.596
5	Phải trả người lao động	9.053.134.037	7.083.826.822
6	Chi phí phải trả	611.133.591	569.005.833
7	Doanh thu chưa thực hiện	174.045.455	397.409.087
8	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.546.586.654	26.826.144.268
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	781.550	781.550
II	Nợ dài hạn		
	Tổng cộng	142.326.771.360	131.546.480.326

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

(Đã nêu phần trên)

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm 2019, nền kinh tế nước ta vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm; năng suất lao động chưa cao. Một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng thấp. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công chậm, nợ công cao. Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn.

Việc xây dựng các kế hoạch cho năm 2020 là hết sức cần trọng. Đối với công tác đầu tư các máy móc thiết bị, Ban tổng giám đốc trình HĐQT xem xét đầu tư thay thế một số

thiết bị đã hết giá trị sử dụng để nâng cao dần năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu thi công trong từng giai đoạn năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Lilama7 là thành viên của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP, tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác Lắp máy, phát triển toàn diện từ hệ thống nhân lực cho đến trình độ kỹ thuật sản xuất, tham gia thi công các dự án trong và ngoài nước với yêu cầu cao nhất, làm tổng thầu (EPC) các dự án nhỏ Sản xuất các sản phẩm kết cấu thép đạt tiêu chuẩn quốc tế đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

- Trong năm 2020 Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đvt	TH 2019	Kế hoạch 2020	KH 2020/TH 2019 (%)
1	Giá trị sản lượng	Tr đồng	150.000	200.000	133,33
2	Doanh thu	Tr đồng	108.173	150.000	138,67
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	203	500	246,30
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	3.677	6.000	163,17
5	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	-	-	-
6	Đầu tư	Tr đồng	2.424	10.000	412,54
7	Tổng số lao động BQ (người)	Người/năm	320	400	125
8	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr đồng	8,00	8,20	102,50

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

(Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

(Chi tiết báo cáo đã kiểm toán năm 2019 tại Web www.lilama7.com.vn)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*. (Đã nêu khoản 6 mục I)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers* (Đã nêu khoản 6 mục I)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Công ty cổ phần Lilama7 đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Địa phương và của Pháp luật.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Mặc dù trong năm 2019 là rất khó khăn. Tuy nhiên sự nỗ lực của Ban tổng giám đốc và tập thể cán bộ, công nhân, Công ty cổ phần Lilama7 trong năm 2019 đã giải quyết kịp thời vốn cho SXKD và thanh toán nợ Ngân hàng đúng hạn.

- Đánh giá chung là hoàn thành kế hoạch SXKD đã đề ra, nhất là đã giải quyết công việc làm cho người lao động, thu nhập cho người lao động và giải quyết kịp thời các chế độ liên quan đến người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama7 đánh giá trong năm 2019, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức trách và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ quy định, Ban tổng giám đốc đã cùng với cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2019.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors*

- Cùng với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy Phát triển toàn diện từ hệ thống nhân lực cho đến trình độ kỹ thuật sản xuất, tham gia thi công các dự án

trong và ngoài nước với yêu cầu cao nhất, làm tổng thầu (EPC) các dự án vừa và nhỏ Sản xuất các sản phẩm kết cấu thép đạt tiêu chuẩn quốc tế đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài

- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị Công ty quyết tâm chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như đã nêu trên. Tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

(Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

▪ Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	SCMND	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	024058338	Số 51 B P- Phước Long - Q 9 HCM	20.500	0,41
2	Tô Minh Thúy	TV-HĐQT	201674936	25 Lý Nhân Tông Đà Nẵng	49.921	1
3	Võ Duy Chính	TV-HĐQT	201571657	K382/7 Núi Thành - Đà Nẵng.	9.008	0,18
4	Trần Hải Sơn	TV-HĐQT	194205436	179 Đường Ý Lan Nguyễn Phi, Hải Châu, TP Đà Nẵng	20.364	0,41
5	Nguyễn Vịnh	TV-HĐQT	200957548	88- Trần Phước Thành - Khuê Trung - Đà Nẵng	7.124	0,14

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director:

(Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).

Không phát sinh

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.

Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, các nghị quyết/ quyết định của HĐQT, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và người lao động; Hội đồng quản trị căn cứ vào nhiệm vụ đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban của Công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt kịp thời, đầy đủ các hoạt động sản xuất của Công ty. Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị đưa ra những ý kiến chỉ đạo kịp thời để Ban Tổng giám đốc Công ty đưa vào chương trình công tác điều hành sản xuất.

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện hoạt động kiểm tra của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp. Mặt khác chỉ đạo tăng cường việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị, cũng như các Quy chế/Quy định/Quy trình thuộc thẩm quyền ban hành của Ban điều hành nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị trong nội bộ của Công ty cho phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, cũng như tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung được phê duyệt thông qua Content
1	01/NQ-LILAMA7	23/01/2019	Xác nhận kết quả phiếu biểu quyết đối với những Người đại diện phần vốn của CTCP Lilama7.
2	02/QĐ-LILAMA7	26/01/2019	Thông qua phê duyệt thanh lý 02 xe ô tô của Công ty cổ phần Lilama7.
3	03/NQ-LILAMA7	27/02/2019	Thông qua bổ nhiệm, thôi bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Công ty cổ phần Lilama7
4	04/LILAMA7/ĐH ĐCĐTN/NQ	22/4/2019	Thông qua các nội dung tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2019.
5	05/NQ- LILAMA7	18/03/2019	Thông qua quy chế khoán lương cho bộ phận gián tiếp làm việc tại văn phòng Công ty trong năm 2019
6	06/NQ-LILAMA7	18/04/2019	Thông qua hạn mức tín dụng năm 2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Đà Nẵng.
7	07/NQ-LILAMA7	12/04/2019	Thông qua phê duyệt các nội dung trình tại Đại hội cổ đông Thường niên năm 2019.
8	08/NQ- LILAMA7	24/04/2019	Thông qua phê duyệt bổ nhiệm Cán bộ của Công ty cổ phần Lilama7.
9	09/NQ- LILAMA7	19/06/2019	Thông qua hạn mức tín dụng năm 2019 tại Ngân TNCP Hàng Hải Chi nhánh Đà Nẵng.
10	10/NQ- LILAMA7	20/06/2019	Phê duyệt bổ sung thiết kế và dự toán phần phát sinh xây dựng Công trình “ Đầu tư cải tạo, mở rộng Văn phòng làm việc tại Nhà máy cơ khí LILAMA7”.
11	11/NQ-LILAMA7	17/07/2019	Phê duyệt giao nhiệm vụ Đội trưởng Đội lắp máy số 2, phụ trách công tác lắp đặt hệ thống lọc bụi tĩnh điện tại Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2- Thanh Hóa của Công ty cổ phần Lilama7.
12	12/NQ-LILAMA7	25/4/2019	Thông qua phê duyệt kế hoạch gia hạn hợp đồng tín dụng số :042018_LILAMA7 ngày 27/04/2018 tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Đà Nẵng.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors.*

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

(Không phát sinh trong năm)

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

(Không phát sinh trong năm)

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:*

(*Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

TT	Họ và tên	Chức vụ	SCMND	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	201813417	Tổ 76A- Phường Hòa Xuân- Quận Cẩm Lệ- TP Đà Nẵng	2.500	0,05
2	Nguyễn Văn Thái	Thành viên Ban kiểm soát	131617690	P808 nhà N01 khu Ba Hàng A -282 Lĩnh Nam - HN	-	-
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	230541849	Tổ 5 Hòa Minh - Liên Chiểu - Đà Nẵng	-	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

(Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Ban kiểm soát Công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ Công ty

+ Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

(*Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của HĐQT

TT	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/năm	Tiền lương BQ đồng/người/năm
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc		363,823,668
2	Tô Minh Thúy	TV.HĐQT – Tổng	33,390,000	347,361,183

		giám đốc.		
3	Võ Duy Chính	TV.HDQT- Kế toán trưởng.	22,260,000	217,459,600
4	Trần Hải Sơn	TV.HDQT- Phó tổng giám đốc	33,390,000	250,523,619
5	Nguyễn Vịnh	TV.HDQT- Phó phòng KT-KT	33,390,000	119,578,972
6	Nguyễn Văn Tuấn	Thư ký HĐQT- Trưởng Phòng KH-TH	24,931,200	137,472,148

Thù lao Ban kiểm soát

TT	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/năm	Tiền lương, tiền thưởng BQ đồng/người/năm
1	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng BKS		124,427,554
2	Nguyễn Văn Thái	TV.BKS	24,931,200	
3	Trần Anh Dũng	TV.BKS	16,620,800	83,004,878

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/Transactions of internal shareholders:

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons.*)
(Không phát sinh)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons*

entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.

(Không phát sinh)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance:

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance). (Không phát sinh)

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty được đăng tải trên Website của Công ty cổ phần Lilama7 theo địa chỉ: <http://www.lilama7.com.vn>

Nơi nhận:

- Nhu trên
- Lưu công ty Lilama7.

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA7**



Tô Minh Thúy